

**TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN**  
(Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên	Tóm tắt nội dung học phần
1	4168001	PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	3	PGS.TS. Nguyễn Văn Long	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học cung cấp những kiến thức cơ sở về phương pháp nghiên cứu, các đường hướng và loại hình nghiên cứu cùng những thao tác nghiên cứu khoa học cơ bản khi tiếp cận một đề tài khoa học. Môn học trang bị cho người học kiến thức nền tảng về các loại hình, đường hướng để tiếp cận một đề tài nghiên cứu. Người học sẽ nắm được cách xác định mục đích, mục tiêu nghiên cứu, xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu cùng phương pháp nghiên cứu phù hợp với mục đích mục tiêu nghiên cứu của đề tài. Người học cũng nắm được các bước thực hiện một đề cương sơ bộ với đề tài đã chọn.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Không</p>
2	4168002	NGÔN NGỮ HỌC ĐẠI CƯƠNG	3	PGS.TS. Dương Quốc Cường	<p>Ngôn ngữ học Đại cương cung cấp cho người học những tri thức cốt lõi về lý luận ngôn ngữ trên các phương diện quan yếu nhất ( Bản chất, chức năng ngôn ngữ, hệ thống cấu trúc ngôn ngữ, cơ chế hoạt động ngôn ngữ, các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ trong ngôn ngữ học và liên ngành).. Bên cạnh đó, môn học còn cung cấp các tri thức cơ bản về các quan điểm , các trường phái lý luận trong ngôn ngữ học, đặc biệt là lý luận trong thế kỷ 20 và đương đại. Học phần cũng cung cấp cho người học phương pháp tiếp cận và các kỹ năng thường gặp trong ngôn ngữ học.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Dẫn luận Ngôn ngữ học</p>

3	4168003	NGÔN NGỮ HỌC VĂN BẢN	3	PGS.TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	<p><i>Ngôn ngữ học văn bản</i> ra đời từ những năm 1960 của thế kỷ XX và đã phát triển ngày càng mạnh mẽ cho đến ngày hôm nay, trải qua hai giai đoạn: giai đoạn từ những năm 1960 đến 1975 là giai đoạn của các “ngữ pháp văn bản” và giai đoạn từ năm 1975 đến nay với các tên gọi như “nghiên cứu điển ngôn”, “phân tích điển ngôn” với cùng một đối tượng nghiên cứu là “văn bản” – được hiểu là đơn vị nghĩa trong sử dụng ngôn ngữ. Văn bản phải được nghiên cứu trong tính chỉnh thể của nó. Các hiện tượng là đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học văn bản được chia thành hai phạm trù lớn: các hiện tượng nằm trong văn bản và các hiện tượng không nằm trong văn bản mà vẫn có quan hệ đến văn bản. Đó là các hiện tượng liên quan đến việc hình thành và giải thích văn bản. Trên cơ sở đó, học phần này tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây: giao tiếp và văn bản, cấu trúc nội dung và bố cục của văn bản, liên kết, mạch lạc, cấu tạo của đoạn văn, một số kiểu văn bản thường dùng.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Ngôn ngữ học đại cương</p>
4	4168004	NGÔN NGỮ HỌC KHỐI LIỆU	3	PGS. TS. Trần Hữu Phúc	<p>Khối liệu là tập hợp các văn bản hay bộ phận của một loại hình văn bản mà dựa vào đó việc phân tích ngôn ngữ được thực hiện. Ngôn ngữ học khối liệu nghiên cứu ngôn ngữ trên cơ sở khối liệu văn bản. Học phần này trình bày những nội dung cơ bản về khối liệu và ngôn ngữ học khối liệu. Người học nắm và vận dụng kiến thức để lựa chọn, thiết kế khối liệu phục vụ mục đích nghiên cứu ngôn ngữ. Dựa vào một loại hình khối liệu, người nghiên cứu tìm kiếm các minh chứng phục vụ việc mô tả, phân tích một vấn đề cụ thể của ngôn ngữ nhằm đưa ra những luận giải về vấn đề nghiên cứu. Kiến thức của học phần giúp người học xây dựng một khối liệu nghiên cứu đảm bảo về dung lượng và sự đa dạng, đại diện cho phong cách của loại hình điển ngôn nghiên cứu. Từ đó mô tả,</p>

					<p>phân tích dữ liệu tìm thấy về loại diễn ngôn, đối sánh với khối liệu tham khảo; sử dụng các phần mềm để truy xuất khối lượng lớn dữ liệu của khối liệu.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Ngôn ngữ học đại cương, Phân tích diễn ngôn</p>
5	4168005	NGỮ DỤNG HỌC	3	PGS. TS. Hồ Thị Kiều Oanh	<p>Xuất hiện từ thập niên 1930, Ngữ dụng học (NDH) đã nhanh chóng trở thành một bộ môn được nghiên cứu rộng rãi trong Ngôn ngữ học hiện đại, đặc biệt trong ngành Ngôn ngữ học ứng dụng. Trọng tâm nghiên cứu của NDH bao gồm các đường hướng và phương pháp giao tiếp giúp người học hiểu và sử dụng ngôn ngữ có hiệu quả trong các ngữ cảnh tình huống khác nhau. Phạm vi ứng dụng của NDH bao gồm các lĩnh vực như dạy và học ngoại ngữ, giao tiếp liên ngôn ngữ, liên văn hóa, sử dụng ngôn ngữ trong đời sống hằng ngày giữa những thành viên trong cùng một cộng đồng. Do vậy, học phần NDH không những giúp người nghiên cứu, người học và người dạy hiểu rõ hơn bản chất hành chức của ngôn ngữ trong nhiều ngữ cảnh tình huống khác nhau mà còn mở đường cho các lĩnh vực nghiên cứu hữu quan khác liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp trong nhiều lĩnh vực xã hội khác nhau.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Không</p>
6	4168006	NGÔN NGỮ HỌC CHỨC NĂNG	3	PGS.TS. Phan Văn Hòa	<p>Ngôn ngữ học chức năng (NNHCN) gắn liền và có vai trò then chốt trong lịch sử ngôn ngữ học (NNH). NNHCN là khuynh hướng mới trong ngôn ngữ học. Trong những năm 50 thế kỷ 20, trường phái ngôn ngữ học chức năng ra đời. Sau đó là NNHCN - một khuynh hướng mà Halliday là đỉnh cao. Lý thuyết này một mặt tổng hợp được các thành tựu nghiên cứu ngôn ngữ học suốt dòng lịch sử: Đó là sự thống nhất giữa ngữ nghĩa và cấu trúc qua</p>

					<p>chức năng ngôn ngữ, lấy nghĩa làm nền tảng. Trong cuốn sách tiêu biểu cho ngôn ngữ chức năng An Introduction to Functional Grammar của Halliday, chúng ta vẫn đề cốt lõi là nghĩa, qua ba loại mệnh đề: <i>Nghĩa văn bản</i> trong mệnh đề như một thông điệp. <i>Nghĩa liên nhân</i> trong mệnh đề như một trao đáp và <i>nghĩa kinh nghiệm</i> hay nghĩa nội dung trong mệnh đề như một biểu hiện. NPCN xem kiến trúc ngôn ngữ từ kinh nghiệm thực tiễn là nguồn mạch sản sinh ra nghĩa giao tiếp. Bởi vậy, NPCN bao trùm tất cả các lĩnh vực của ngôn ngữ học. Bộ môn NPCN gọi lại một diễn trình lịch sử ngôn ngữ học vừa khám phá tính tạo nghĩa trong toàn hệ thống ngôn ngữ và chiến lược sử dụng ngôn ngữ. Đây là mục tiêu bao trùm của học phần dành cho học viên cao học.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Không</p>
7	4168007	LOẠI HÌNH HỌC NGÔN NGỮ	3	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chinh	<p>Môn Loại hình học ngôn ngữ cung cấp cho học viên chuyên ngành Ngôn ngữ học đối chiếu các kiến thức cơ bản về loại hình học (đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu...), các loại hình ngôn ngữ (cơ sở phân loại các loại hình ngôn ngữ, đặc điểm của các loại hình ngôn ngữ), phổ niệm ngôn ngữ (khái niệm phổ niệm ngôn ngữ, các loại phổ niệm ngôn ngữ) đặc điểm loại hình của các ngôn ngữ đơn lập nói chung và của tiếng Việt nói riêng (về mặt ngữ âm, cấu tạo từ, từ loại, cú pháp). Đồng thời, môn học cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng và phương pháp phân tích, mô tả, đối chiếu đặc điểm loại hình của các ngôn ngữ và của tiếng Việt để vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập bản ngữ và ngoại ngữ.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Không</p>
8	4168008	NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI	3	TS. Trần Quang Hải	<p>Học phần Ngôn ngữ học xã hội cung cấp cho học viên (1) những kiến thức cơ bản về Ngôn ngữ học xã hội như bối cảnh ra đời, đối</p>

					<p>tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu; (2) các khái niệm cơ bản như biến thể ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, tiếp xúc ngôn ngữ, giao thoa và lai tạp ngôn ngữ, phương ngữ địa lý và phương ngữ xã hội, sự lựa chọn ngôn ngữ, v.v...; (3) kế hoạch và chính sách ngôn ngữ. Ngoài ra, học phần này cũng trang bị cho học viên các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội để ứng dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ ở Việt Nam.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Ngôn ngữ học đại cương</p>
9	4168009	NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG	3	PGS. TS. Trần Hữu Phúc	<p>Ngôn ngữ học ứng dụng được định nghĩa là việc nghiên cứu ứng dụng các khái niệm và lý thuyết ngôn ngữ học vào mọi vấn đề thực tiễn khác nhau liên quan đến ngôn ngữ. Ngôn ngữ học ứng dụng đề cập đến ứng dụng ngôn ngữ trong thực tiễn, có tác động trực tiếp đến các vấn đề giao tiếp ngôn ngữ, đến việc dạy-học ngoại ngữ. Ngôn ngữ học ứng dụng còn liên quan đến các lĩnh vực thực tế khác như dạy tiếng mẹ đẻ, biên soạn từ điển, dịch thuật cũng như các ứng dụng chuyên biệt của ngôn ngữ như ngôn ngữ y khoa, ngôn ngữ hình sự, pháp y... Học phần này giúp người học nắm và vận dụng kiến thức ngôn ngữ học lý thuyết vào phương hướng dạy-học ngoại ngữ, đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để vận dụng, nghiên cứu ứng dụng ngôn ngữ, đồng thời quyết định mục đích và nội dung của việc dạy tiếng.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Ngôn ngữ học đại cương</p>
10	4168010	NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN	3	TS. Huỳnh Ngọc Mai Kha	<p>Học phần này nhằm cung cấp cho học viên các khái niệm và phạm trù cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận. Phạm vi của phần này bao gồm các chủ điểm như nguồn gốc ngôn ngữ học tri nhận, các xu hướng chính, các nguyên lý của ngôn ngữ học tri nhận, ý niệm và ý niệm hóa, phạm trù và phạm trù hóa, ẩn dụ và hoán dụ tri nhận, phạm trù xuyên tâm, kết cấu, vấn đề hình/nền, mối quan hệ giữa</p>

					<p>ngôn ngữ-tri nhận-văn hóa. Đặc biệt, giáo trình hướng học viên vào những vấn đề tranh luận mà ngôn ngữ học tri nhận đặt ra đối với tiếng Việt, nhằm kêu gọi lòng yêu thích tranh luận và khám phá khoa học của học viên.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Ngôn ngữ học đại cương</p>
11	4168011	LƯỢC SỬ VIỆT NGỮ HỌC	3	TS. Lê Tấn Thi	<p>Trong quá trình phát triển cũng như hội nhập, việc nghiên cứu tiếng Việt cũng như ngôn ngữ học tiếng Việt đã có những bước chuyển biến ấn tượng. Việt ngữ học truyền thống đã tiếp nhận những đường hướng nghiên cứu ngôn ngữ học hiện đại trên thế giới từ phân tích diễn ngôn cho đến mô hình ngữ pháp chức năng hệ thống rồi ngôn ngữ học tri nhận trong thời gian gần đây. Sự tiếp nhận này đã làm phong phú việc phân tích tiếng Việt trên các bình diện ngôn ngữ học. Lược sử Việt ngữ học có nhiệm vụ nhìn nhận lại quá trình nghiên cứu, hội nhập và phát triển Việt ngữ học qua các thời kỳ từ giai đoạn khởi nguyên cho đến hiện thời nhằm giúp người học nắm bắt được sự hình thành và phát triển tiếng Việt nói chung và Việt ngữ học nói riêng từ giai đoạn cổ trung đại đến giai đoạn cận hiện đại trên các bình diện ngôn ngữ học - bao gồm lịch sử nghiên cứu ngữ âm, từ vựng, cú pháp, ngữ dụng, phong cách học, kể cả ngôn ngữ học xã hội, đặc trưng văn hóa – ngôn ngữ học tiếng Việt v.v...</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Không</p>
12	4168012	NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU	3	PGS.TS. Lưu Quý Khuông	<p>Mấy chục năm trở lại đây nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ được nhiều người chú ý tới và trở thành một phân ngành phát triển mạnh trong ngôn ngữ học hiện đại. Sở dĩ như vậy là vì một mặt, nó góp phần đáp ứng những đòi hỏi của lý luận ngôn ngữ học trong giai đoạn mới và mặt khác, nó cho phép đưa những tri thức ngôn ngữ học vào những ứng dụng rộng rãi, thiết thực.</p>

					<p>Trên cơ sở những tri thức của ngôn ngữ học đại cương, học phần này cung cấp cho người học những hiểu biết cần yếu về ngôn ngữ học đối chiếu, chỉ ra một số bình diện nghiên cứu đối chiếu liên ngôn ngữ. Học phần cũng giới thiệu các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ và một số thử nghiệm phân tích đối chiếu. Về mặt thực tiễn, học phần ngôn ngữ học đối chiếu giúp người học hiểu biết về phương pháp nghiên cứu, cách thức vận dụng những tri thức đã học vào thực tiễn nghiên cứu liên ngôn ngữ, giúp nâng cao hiệu quả học tiếng nước ngoài, biên soạn sách giáo khoa ngoại ngữ, ngữ pháp và từ điển phiên dịch so sánh, dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Không</p>
13	4168013	NGỮ ÂM VÀ ÂM VỊ HỌC TIẾNG VIỆT (Có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)	3	TS. Ngũ Thiện Hùng	<p>Học phần Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt trang bị cho học viên kiến thức nền tảng cùng kiến thức chuyên sâu về các bình diện ngữ âm âm vị học tiếng Việt để thấu đáo hơn về bản chất tín hiệu của âm, cơ chế tạo âm, các bình diện miêu tả của âm cùng chức năng của âm trong lời nói. Học phần cũng trang bị cho học viên cách phân tích các đặc trưng của âm tiếng Việt và các kỹ năng đối chiếu các nhóm âm của tiếng Việt với tiếng Anh chuẩn, tiếng Anh Mỹ.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Dẫn nhập ngữ âm và âm vị học</p>
14	4168014	TỪ VỰNG - NGỮ NGHĨA HỌC TIẾNG VIỆT (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)	3	TS. Nguyễn Hữu Bình	<p>Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt có đối chiếu với với các ngôn ngữ khác. Đồng thời môn học cũng trang bị những thủ pháp nghiên cứu từ vựng ngữ nghĩa, đặc biệt là nghiên cứu so sánh đối chiếu.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Không</p>
15	4168015	NGỮ PHÁP TIẾNG	3	TS. Trịnh Thị Thái	<p>Ngữ pháp tiếng Việt (so sánh đối chiếu với các ngôn ngữ khác)</p>

		VIỆT (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)		Hòa	<p>cung cấp cho người học những tri thức cốt lõi mà ngữ pháp chức năng đã thể hiện trong hơn 20 năm qua và một hướng ứng dụng đúng vào tiếng Việt để những người nghiên cứu ngoại ngữ và những người nước ngoài học tiếng Việt như một ngoại ngữ có thêm phương tiện thực hiện đối chiếu ngoại ngữ với tiếng Việt nhờ vào những thành tựu nghiên cứu ngữ pháp mới nhất trong thời đại ngày nay với việc phân biệt các siêu chức năng của câu; các kiểu cấu trúc nghĩa biểu hiện khác nhau của tiếng Việt diễn đạt cùng một sự việc; các kiểu cấu trúc thức khác nhau tồn tại trong tiếng Việt; cấu trúc đề - thuyết trong chức năng văn bản của câu tiếng Việt. Cấu trúc cú pháp của câu được xem xét theo hướng lấy vị tổ làm hạt nhân, lấy câu làm cơ sở, đồng thời nghiên cứu các đơn vị lớn hơn câu, như tính liên kết giữa câu với câu, cho đến toàn văn bản hoặc diễn ngôn. Bên cạnh đó, môn học còn cung cấp những tri thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu, so sánh đối chiếu các ngôn ngữ.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Ngôn ngữ học Đại cương</p>
16	4168016	PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT	3	PGS. TS. Phan Văn Hòa	<p>Ngay từ thời cổ đại Hy Lạp, tu từ học đã ra đời. Sau này trở thành môn khoa học lớn trong ngôn ngữ học gọi là phong cách học. Là một ngành khoa học quan trọng trong ngôn ngữ học, nhưng khác nhau rất lớn trong các ngành này. Nếu các ngành ngôn ngữ học nghiên cứu các quy tắc, cấu trúc, đơn vị hình thành và phát triển như là bộ phận của ngôn ngữ thì phong cách học nghiên cứu toàn bộ những vấn đề đó để rút ra cách thức sử dụng ngôn ngữ hiệu quả nhất. Vì vậy đối tượng của phong cách học là mọi thể hiện của ngôn ngữ ở mọi cấp độ kết cấu khác nhau được vận dụng trong lời nói nhằm thể hiện các chức năng khác nhau hay cùng tổng hợp các chức năng như thông báo, tác động hay thẩm mỹ. Bởi vậy, bộ môn phong cách học bao gồm một loạt các phương thức phong cách</p>



					<p>như ẩn dụ, hoán dụ, phép lặp, song đôi, vần điệu, hoặc các hiện tượng ngôn ngữ như phương ngữ, đồng âm, trái nghĩa, đồng nghĩa... hay các thể loại văn bản như văn bản văn chương, văn bản khoa học... và cách sử dụng các phương thức, hiện tượng ấy trong lời nói. Chính đối tượng của ngành khoa học này có tính đặc thù là sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, nên nó rất cần thiết cho sinh viên đại học, học viên cao học và các đối tượng có ý thức muốn sử dụng ngôn ngữ hiệu quả nhất.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Ngôn ngữ học Đại cương</p>
17	4168017	THÀNH PHẦN CÂU TIẾNG VIỆT	3	TS. Lê Tấn Thi	<p>Các nghiên cứu liên quan đến cú pháp học nói chung và thành phần câu nói riêng trong những thập niên gần đây có những phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu cũng như trong nước. Từ những thành tựu của lí thuyết thành tố trực tiếp (Immediate constituents), ngữ pháp tạo sinh chuyển đổi (Generative Transformational grammar) cho đến mô hình ngữ pháp chức năng hệ thống (Systemic Functional linguistic paradigm) v.v...</p> <p>Mục đích của học phần giúp người học nắm bắt được các đặc điểm ngôn ngữ học của Thành phần câu tiếng Việt; cụ thể như cấu trúc, chức năng cú pháp, đặc điểm cú pháp của thành tố câu v.v...</p> <p>Nhằm giúp người học lĩnh hội kiến thức cơ bản về các quan điểm, trường phái ngôn ngữ học khác nhau về thành phần câu. Qua đó, đề xuất quan điểm phù hợp liên quan đến ngôn ngữ học để giúp người học thuận lợi tiếp thu và ứng dụng vào việc so sánh đối chiếu.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Không</p>
18	4168018	KÝ HIỆU HỌC	3	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chính	<p>Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về ký hiệu học, về bản chất của ký hiệu học nói chung và hệ thống ký hiệu ngôn ngữ nói riêng; phân tích để thấy ngôn ngữ là một hệ</p>

					<p>thống ký hiệu đặc biệt; chỉ ra mối quan hệ giữa ký hiệu ngôn ngữ và nghĩa, ...; từ đó vận dụng kiến thức lý thuyết để thực hành giải mã ngôn ngữ của các tác phẩm văn chương.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Không</p>
19	4168019	<p>NGÔN NGỮ VỚI SÁNG TẠO VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC</p>	3	TS. Lê Thị Giao Chi	<p>Học phần Ngôn ngữ và Tiếp nhận Văn học (Language and Literary Acquisition) nhằm trang bị cho người học những kiến thức lý luận từ góc độ liên ngành ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận nghệ thuật ngôn từ nhằm làm sáng tỏ vai trò của ngôn ngữ trong việc tạo dựng các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ (tác phẩm văn học hay tác phẩm văn chương. Học phần Ngôn ngữ và Tiếp nhận Văn học còn giúp người học xác lập cơ chế chuyển mã từ mã ngôn ngữ sang mã hình tượng gắn với hoạt động năng động của người tiếp nhận, góp phần làm sáng tỏ các vấn đề về lý luận tiếp nhận cũng như lý luận phê bình văn học, vận dụng các lý thuyết và cách tiếp cận phê bình văn học nhằm hình thành kỹ năng cảm nhận, phân tích, phê bình các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Không</p>
20	4168020	<p>GIAO THOA VĂN HÓA</p>	3	TS. Hồ Sĩ Thắng Kiệt	<p>Giao thoa văn hóa là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các khái niệm về văn hóa, đặc tính của văn hóa, giao thoa văn hóa, sốc và xung đột trong giao văn hóa. Người học còn được trang bị kiến thức về các giá trị văn hóa, tính lịch sử trong dựng học giao văn hóa, các hình thức xung hô trong các ngôn ngữ- văn hóa khác nhau. Ngoài ra, người học có thể so sánh đối chiếu các hình thức giao tiếp phi ngôn từ trong giao văn hóa, một số hành vi ngôn từ trong dựng học giao văn hóa và phát triển năng lực nghiên cứu về các hành vi ngôn từ trong giao văn hóa. Học phần dành cho học viên sau đại học chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu. Những học viên sau đại học thuộc các ngành khoa học xã hội và</p>

					<p>nhân văn khác cũng tìm thấy ở môn học này những kiến thức bổ ích và thiết thực.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Không</p>
21	4168021	LÝ THUYẾT DỊCH	3	TS. Lê Thị Giao Chi	<p>Học phần Lý Thuyết Dịch (Theory of Translation) nhằm trang bị cho người học những kiến thức, lý luận và kỹ năng cần thiết về dịch thuật như là một hoạt động xuyên ngôn ngữ. Người học sẽ được tiếp cận các vấn đề về lý thuyết dịch thuật từ khái niệm, lịch sử đến các vấn đề liên quan đến dịch thuật như quan hệ ngôn ngữ với văn hóa, cách tiếp cận tương đương, hiện tượng thêm bớt, hiện tượng không dịch được, vấn đề nghĩa trong dịch, , v.v. Ngoài ra, người học còn có cơ hội phân tích các các cách tiếp cận dịch thuật từ góc nhìn ngôn ngữ, hệ thống chức năng nhằm vận dụng các lý thuyết dịch thuật vào giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực hành dịch. Người học còn có cơ hội đánh giá các sản phẩm dịch thông qua hoạt động phê bình dịch, qua đó rút ngắn khoảng cách nhận về lý luận dịch thuật và thực tiễn thực hành dịch.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Không</p>
22	4168022	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG NGHIÊN CỨU VÀ DẠY HỌC NGOẠI NGỮ	3	PGS.TS. Nguyễn Văn Long	<p>Học phần được thiết kế nhằm giới thiệu cho học viên về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngôn ngữ. Học phần bao gồm yếu tố lý thuyết và thực tiễn, dựa trên những tài liệu nghiên cứu về CALL cũng như các phương pháp sư phạm hiện hành trong việc học ngôn ngữ.</p> <p>Việc ứng dụng máy tính và công nghệ thông tin trong dạy và học ngôn ngữ ngày nay đã tồn tại một thời gian dài và dần phát triển. Để công nghệ này có thể được áp dụng hiệu quả, bản thân giáo viên phải có hiểu biết đáng kể về bản chất và quá trình hoạt động của công nghệ trong khuôn khổ chuyên môn. Học viên có mong muốn theo đuổi trình độ cao hơn ở các lĩnh vực Ngôn ngữ học ứng</p>

				<p>dụng hoặc TESOL, hoặc dự định bắt đầu việc giảng dạy ngôn ngữ, sẽ nhận thấy khóa học hữu ích và thiết thực.</p> <p>Học phần sẽ trình bày cho học viên về ứng dụng của máy tính cũng như các công nghệ khác hiện nay trong việc dạy và học ngôn ngữ. Học phần sẽ bao gồm các khía cạnh lý thuyết và thực tiễn, dựa trên những tài liệu nghiên cứu về CALL cũng như các phương pháp giáo học pháp hiện hành trong giáo dục ngôn ngữ. Kết thúc học phần, học viên sẽ có khả năng tự phát triển dự án CALL của riêng mình.</p> <p>Học phần điều kiện học trước: Không</p>
--	--	--	--	--

FIS - UFELS